

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84.4) 3824 1990 / 1

Fax: (84.4) 3825 3973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2

Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel : (84.8) 3848 5983 - 3848 5776

Fax: (84.8) 3547 1838

VPBD tại Quảng Ninh:

Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84.33) 3627571

Fax: (84.33) 3627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
IMPACT
INTERNATIONAL NETWORK OF
PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,

Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-30
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-30



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thê	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thê	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2010
	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2010
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Lin Ching Tsan	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổ



H. S. Đ. K. K. D. 190300025
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ÔNG THÉP
VIỆT-ĐỨC
VG PIPE
BÌNH XUYỀN - T. VINH PHÚC

Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 07 năm 2010



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)
THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: ~~774~~ /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 16 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		705.211.318.780	678.340.390.583
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		17.894.555.368	359.139.915.154
111	1. Tiền	3	17.894.555.368	359.139.915.154
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		302.954.617.277	116.504.793.470
131	1. Phải thu của khách hàng		298.896.455.120	113.320.141.982
132	2. Trả trước cho người bán		3.029.533.026	2.179.129.648
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.028.629.131	1.005.521.840
140	IV. Hàng tồn kho		350.069.173.095	171.349.817.411
141	1. Hàng tồn kho	5	350.069.173.095	171.349.817.411
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.292.973.040	31.345.864.548
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	4.198.569
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.470.256.845	1.578.948.110
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	4.752.440
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	18.822.716.195	29.757.965.429
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		287.797.725.904	254.618.206.699
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		41.456.700.000	13.856.700.000
218	4. Phải thu dài hạn khác	7	41.456.700.000	13.856.700.000
220	II. Tài sản cố định		96.469.013.887	91.742.892.323
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	70.625.635.111	74.296.190.201
222	- Nguyên giá		125.181.489.956	123.872.815.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(54.555.854.845)	(49.576.625.210)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	17.268.833.322	17.446.702.122
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.020.056.507)	(842.187.707)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.574.545.454	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	141.290.000.000	140.179.287.714
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.650.000.000	138.148.586.224
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		66.640.000.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	2.030.701.490
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.582.012.017	8.839.326.662
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.582.012.017	8.839.326.662
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		993.009.044.684	932.958.597.282

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

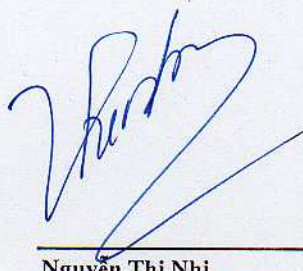
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		510.295.615.538	451.296.390.380
310	I. Nợ ngắn hạn		507.462.858.211	451.031.285.966
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	463.006.032.917	391.882.996.169
312	2. Phải trả người bán		34.746.244.982	48.832.427.244
313	3. Người mua trả tiền trước		1.725.247.867	2.219.146.884
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.202.965.853	1.987.987.306
315	5. Phải trả người lao động		1.002.450.881	857.400.000
316	6. Chi phí phải trả		-	382.019.422
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	644.616.501	445.559.731
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.135.299.210	4.423.749.210
330	II. Nợ dài hạn		2.832.757.327	265.104.414
333	3. Phải trả dài hạn khác		2.500.000.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		332.757.327	265.104.414
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		482.713.429.146	481.662.206.902
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	482.713.429.146	481.662.206.902
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	65.269.904.788
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(3.508.514.890)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	51.153.413
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.888.844.210	6.888.844.210
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.319.422.105	3.319.422.105
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.697.340.778	33.644.297.276
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		993.009.044.684	932.958.597.282

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		270.432,05	774.719,34



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010

0313
ÔNG
NHIỆM
CHỨC VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ
HOA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	717.806.194.732	491.638.863.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	620.681.062	3.289.059.207
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	717.185.513.670	488.349.804.682
11	4. Giá vốn hàng bán	20	667.139.197.410	452.190.554.858
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.046.316.260	36.159.249.824
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.317.836.280	4.035.840.742
22	7. Chi phí tài chính	22	24.416.661.963	9.214.685.067
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.394.167.655	9.168.746.122
24	8. Chi phí bán hàng	23	10.799.502.824	15.752.265.250
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.061.794.100	5.118.919.430
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		20.086.193.653	10.109.220.819
31	11. Thu nhập khác		34.372.753	616.680.667
32	12. Chi phí khác		273.200	214.247.727
40	13. Lợi nhuận khác		34.099.553	402.432.940
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.120.293.206	10.511.653.759
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	3.062.638.351	855.119.176
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.057.654.855	9.656.534.583


Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.120.293.206	10.511.653.759
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		5.157.098.435	4.807.327.859
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.822.807.491)	(65.913.398)
06	Chi phí lãi vay		24.394.167.655	9.168.746.797
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.848.751.805	24.421.815.017
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(244.078.494.402)	(39.049.476.943)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(178.719.355.684)	3.290.645.800
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.609.871.214)	10.530.967.591
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		261.513.214	(1.361.538.123)
13	Tiền lãi vay đã trả		(24.394.167.655)	(9.168.746.797)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.879.455.981)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.050.510.054	11.162.841.569
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.893.718.960)	(11.958.391.119)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(390.414.288.823)	(12.131.883.005)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.883.219.999)	(4.312.977.589)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.141.413.776)	(31.866.600.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.845.243.276	65.913.398
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.179.390.499)	(36.113.664.191)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.508.514.890	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.508.514.890)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		676.359.831.145	381.810.624.854
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(605.262.262.099)	(291.339.044.681)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.257.764.400)	(7.152.082.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.348.319.536	79.810.982.483
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(341.245.359.786)	31.565.435.287

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		359.139.915.154	1.116.246.567
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	17.894.555.368	32.681.681.854



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010

03135
CÔNG TY
CHUYÊN M
CH VỤ T
CHÍNH
VÀ KIẾ
DÂN K

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất tôn cán nguội, ống thép cỡ lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất thép chất lượng cao

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 02 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;



- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm.
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

153. C
TY
DU HẠN
VĂN
TOÁN
DÂN
P. H. N.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007;
- Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu;
- Công ty được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 năm kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/5/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuê đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

3 . TIỀN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	286.976.271	8.857.600.450
Tiền gửi ngân hàng	17.607.579.097	350.282.314.704
	<u>17.894.555.368</u>	<u>359.139.915.154</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	990.243.390	990.000.000
Phải thu khác	38.385.741	15.521.840
	<u>1.028.629.131</u>	<u>1.005.521.840</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	287.966.555
Nguyên liệu, vật liệu	104.011.967.144	71.216.472.804
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.678.452.156	10.696.332.644
Thành phẩm	117.049.323.735	87.671.524.704
Hàng hoá	115.329.430.060	1.477.520.704
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>350.069.173.095</u>	<u>171.349.817.411</u>

Tại thời điểm 30/06/2010, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	16.529.947.395	392.585.535
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.292.768.800	29.365.379.894
	<u>18.822.716.195</u>	<u>29.757.965.429</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

7 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay (*)	41.456.700.000	13.856.700.000
	<u>41.456.700.000</u>	<u>13.856.700.000</u>

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 01/12/2009, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay tổng số tiền là 110 tỷ đồng, thời hạn vay là 3 năm. Trong thời gian lắp đặt, xây dựng không tính lãi, khi vận hành chính thức tùy tình hình sẽ xác định mức lãi suất áp dụng theo mức lãi suất vay tại các Ngân hàng.

INHH
TỔNG
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	42.813.295.539	74.581.287.415	6.136.194.707	342.037.750	-	123.872.815.411
Số tăng trong kỳ	1.308.674.545	-	-	-	-	1.308.674.545
- Mua sắm mới	1.308.674.545	-	-	-	-	1.308.674.545
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	44.121.970.084	74.581.287.415	6.136.194.707	342.037.750	-	125.181.489.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	11.260.956.386	34.957.654.960	3.113.300.329	244.713.535	-	49.576.625.210
Số tăng trong kỳ	1.007.823.828	3.635.435.917	308.504.742	27.465.148	-	4.979.229.635
- Trích khấu hao	1.007.823.828	3.635.435.917	308.504.742	27.465.148	-	4.979.229.635
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.268.780.214	38.593.090.877	3.421.805.071	272.178.683	-	54.555.854.845
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	31.552.339.153	39.623.632.455	3.022.894.378	97.324.215	-	74.296.190.201
Cuối kỳ	31.853.189.870	35.988.196.538	2.714.389.636	69.859.067	-	70.625.635.111

Tại thời điểm 30/06/2010, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	803.783.957	38.403.750	842.187.707
Số tăng trong kỳ	174.193.800	3.675.000	177.868.800
- Trích khấu hao	174.193.800	3.675.000	177.868.800
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	977.977.757	42.078.750	1.020.056.507
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	17.415.280.872	31.421.250	17.446.702.122
Cuối kỳ	17.241.087.072	27.746.250	17.268.833.322

Tại thời điểm 30/06/2010, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định vô hình (trừ giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại Khu biệt thự nhà vườn thuộc Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	8.574.545.454	-
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	-
	<u>8.574.545.454</u>	<u>-</u>

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	74.650.000.000	138.148.586.224
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	59.950.000.000	56.808.586.224
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	14.700.000.000	14.700.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	-	66.640.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (*)	66.640.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	2.030.701.490
	<u>141.290.000.000</u>	<u>140.179.287.714</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2010 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Tỷ lệ thực góp (**)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2010 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Tỷ lệ thực góp (**)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (*)	Tỉnh Vĩnh Phúc	49,00%	50,44%	Sản xuất thép chất lượng cao

(*) Trên Báo cáo tài chính năm 2009, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con, với tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 72,59%. Năm 2010, do thay đổi cơ cấu vốn trong Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty chỉ còn 49% và khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vẫn đang trong quá trình đầu tư và chưa có Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(**) Tỷ lệ vốn thực góp được xác định trên cơ sở số vốn đã góp của Công ty trên tổng số vốn đã góp của các bên được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của công ty tiếp nhận đầu tư.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	7.382.102.224	7.470.334.522
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	931.770.948	1.201.752.636
Chi phí trả trước dài hạn khác	268.138.845	167.239.504
	8.582.012.017	8.839.326.662

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	463.006.032.917	391.882.996.169
- Vay ngân hàng	463.006.032.917	391.882.996.169
	463.006.032.917	391.882.996.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	226.689.168.945	178.193.710.302
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	70.558.549.858	45.297.623.970
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	99.985.036.444	140.409.480.103
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CH Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	8.373.277.670	-
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội ⁽⁵⁾	57.400.000.000	-
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt tại Hà Nội	-	27.982.181.794
	463.006.032.917	391.882.996.169

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐHM ngày 29/04/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 260 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 29/04/2010 đến 31/03/2011; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; đảm bảo bằng doanh thu bán hàng, các khoản thu nhập hợp pháp khác, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 08.14.0050/HĐTD ngày 29/04/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến 30/04/2010; thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 9,7%/năm đối với VND và 6,5%/năm đối với USD;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.

(3) Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 2289/HĐHMTD/TCB.Vĩnh Phúc ngày 22/07/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 150 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng; thời hạn của mỗi khoản vay không quá 6 tháng và được quy định trong khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần giải ngân;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng hóa luân chuyển (nguyên vật liệu và thành phẩm ống thép).



CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo)

(4) Hợp đồng tín dụng số 0181009/HDDTD2-VIB ngày 30/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 5 tháng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp hàng hóa tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu.

(5) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/10/TD/II.13 ngày 31/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho là nguyên, nhiên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.125.323.895	1.942.141.525
Thuế Thu nhập cá nhân	77.641.958	45.845.781
	<u>3.202.965.853</u>	<u>1.987.987.306</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	177.893.301	172.900.880
Bảo hiểm xã hội	-	106.927.251
Phải trả cổ tức cho cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu	466.723.200	164.661.600
Phải trả, phải nợ khác	-	1.070.000
	<u>644.616.501</u>	<u>445.559.731</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	375.997.100.000	65.269.904.788	(3.508.514.890)	51.153.413	6.888.844.210	3.319.422.105	33.644.297.276	481.662.206.902
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu	-	2.540.817.265	3.508.514.890	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(51.153.413)	-	-	-	(51.153.413)
Số dư cuối kỳ	375.997.100.000	67.810.722.053	-	-	6.888.844.210	3.319.422.105	28.697.340.778	482.713.429.146

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của đối tượng khác	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000	100,00%
	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	125.997.100.000
- Vốn góp đầu kỳ	375.997.100.000	125.997.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	375.997.100.000	125.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.559.826.000	7.494.425.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	22.559.826.000	7.494.425.400

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	12.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	271.200
- Cổ phiếu phổ thông	-	271.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	12.328.510
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	12.328.510
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.888.844.210	6.888.844.210
Quỹ dự phòng tài chính	3.319.422.105	3.319.422.105
	10.208.266.315	10.208.266.315

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	327.189.360.083	317.128.094.339
Doanh thu bán hàng hóa	390.603.940.649	174.510.769.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.894.000	-
	717.806.194.732	491.638.863.889

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	528.689.632	116.867.878
Giảm giá hàng bán	-	2.002.538.187
Hàng bán bị trả lại	91.991.430	1.169.653.142
	620.681.062	3.289.059.207

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	326.572.053.023	313.839.035.132
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	390.600.566.647	174.510.769.550
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	12.894.000	-
	717.185.513.670	488.349.804.682

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	292.750.659.382	286.983.120.679
Giá vốn của hàng hóa đã bán	374.388.538.028	165.207.434.179
	667.139.197.410	452.190.554.858

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.437.614.766	65.913.398
Lãi đầu tư cổ phiếu	341.928.510	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.700.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.332.758.558	3.326.982.029
Lãi bán hàng trả chậm	2.139.834.446	642.906.852
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	38.463
	13.317.836.280	4.035.840.742

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.394.167.655	9.168.746.122
Lỗ đầu tư cổ phiếu	22.435.785	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	40.975.266
Chi phí tài chính khác	58.523	4.963.679
	24.416.661.963	9.214.685.067

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	80.136.984	368.727.663
Chi phí nhân công	1.342.296.075	758.422.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.518.842	203.567.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.549.285.231	14.134.078.303
Chi phí khác bằng tiền	456.265.692	287.469.785
	10.799.502.824	15.752.265.250

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	446.367.847	359.984.620
Chi phí nhân công	2.361.433.053	1.675.085.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	838.365.340	1.018.587.755
Thuế, phí, lệ phí	258.156.623	394.700.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.892.466.789	897.898.198
Chi phí khác bằng tiền	1.265.004.448	772.663.292
	8.061.794.100	5.118.919.430

1020
CÔNG
TÍNH
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KI
TOÁN K

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.062.638.351	1.222.530.192
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(367.411.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.062.638.351</u>	<u>855.119.176</u>

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty đang trong giai đoạn ưu đãi đầu tư. Theo đó, đối với hoạt động sản xuất, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu. Do đó, thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng đối với lợi nhuận từ hoạt động thương mại là 25%; đối với lợi nhuận từ tiêu thụ trong nước thành phẩm sản xuất là 10% và đối với lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu thành phẩm sản xuất là 5%.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>
		VND	VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	3.141.413.776	25.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	-	6.866.600.000
Doanh thu bán hàng			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	12.189.711.200	92.494.685.190
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)	(*)	12.451.552.151	76.441.972.761
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	380.167.526	10.235.177.037
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	169.513.007.016	-
Mua hàng			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	41.958.182	73.003.805.626
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)	(*)	103.396.669	5.381.161.444
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	676.450	5.358.781.420
Cho vay vốn			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	37.600.000.000	-
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	3.985.526.143	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	25.571.465	-
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	3.797.155.362	2.410.844.661
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	134.000.136	590.450.417
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	185.651.664.216	933.628.623
Phải thu vốn cho vay			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	41.456.700.000	13.856.700.000
Phải thu lãi cho vay, lãi chậm trả			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.926.931.357	13.856.700.000

(*) Vợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Năm 2009, Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" được trình bày tại Khoản mục "Nguồn kinh phí và quỹ khác". Trong kỳ, do sửa đổi chế độ kế toán, Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" được trình bày tại Khoản mục "Nợ ngắn hạn", vì vậy một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được phân loại và trình bày lại để phù hợp với số liệu cuối kỳ:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	451.296.390.380	446.872.641.170
Nợ ngắn hạn	310	451.031.285.966	446.607.536.756
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.423.749.210	-
Vốn chủ sở hữu	400	481.662.206.902	486.085.956.112
Nguồn kinh phí và các quỹ	430	-	4.423.749.210
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	4.423.749.210



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010